SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH PHÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/BC-PĐP

Krông Pắc, ngày 22 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường THPT Phan Đình Phùng.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục

Địa chỉ: Thôn 6A, Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk.

Điện thoại: 02623607896

Mail: thptpdpdl@gmail.com

Website: c3phandinhphungdaklak.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu

Loại hình: Trường THPT công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mạng: Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, có nền nếp, kỷ cương và chất lượng tốt để mỗi cán bộ, giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

Tầm nhìn: Là một trong những trung tâm giáo dục chất lượng cao của huyện Krông Pắc, của tỉnh Đắk Lắk; là môi trường tin cậy để học sinh lựa chọn học tập và rèn luyện; là địa chỉ mà các bậc phụ huynh và nhân dân tin tưởng; là nơi mà giáo viên và học sinh thể hiện khát vọng vươn tới đỉnh cao.

Mục tiêu:

Trường THPT Phan Đình Phùng trở thành trường THPT hàng đầu của huyện Krông Pắc và của tỉnh Đắk Lắk, là một địa chỉ giáo dục có uy tín và chất lượng giáo dục cao, là nơi ươm mầm những tài năng cho quê hương, đất nước, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên đỉnh cao của những ước mơ.

Xây dựng nhà trường có môi trường giáo dục tốt, đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống và kỹ năng sống cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng tiếp cận trình độ tiên tiến của quốc gia. Chú trọng giáo dục cả về kiến thức, kỹ năng và đạo đức lối sống, thể chất theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Chất lượng các mục tiêu giáo dục cụ thể

* Xếp loại rèn luyện của học sinh:

- Tốt, khá:>= 95%
- Chưa đạt: dưới 1,0%
- Tỉ lệ đoàn viên: trên 90%

* Xếp loại học tập của học sinh:

- Tốt: 15% trở lên.
- Khá: 45% trở lên.
- Chưa đạt: dưới 10%.

* Khen thưởng học sinh:

- Học sinh Xuất sắc: 3% trở lên.
- Học sinh Giỏi: 10% trở lên.

* Thi học sinh giỏi Tỉnh hàng năm: Đạt >= 35 giải.

* Tỉ lệ học sinh lên lớp: >= 99% (sau khi kiểm tra, đánh giá lại, rèn luyện lại); tỉ lệ học sinh lưu ban và bỏ học không quá 4% (trong đó học sinh bỏ học <= 3%).

* Thi đỗ tốt nghiệp THPT: 98% trở lên

* Tuyển sinh vào đại học, cao đẳng: 65 -70 %

* Trung học chuyên nghiệp, học nghề: 30 - 35%

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển nhà trường

Trường THPT Phan Đình Phùng – đứng chân trên địa bàn xã Ea Kly huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk, được thành lập vào năm 1996 với tên gọi ban đầu là Trường Cấp 2,3 Phan Đình Phùng. Năm 2003, thực hiện Quyết định số 1042/QĐ-UB ngày 15/4/3003 của UBND Tỉnh Đắk Lắk, trường được tách khỏi hệ thống cấp 2 để chuyển sang một vị trí mới có diện tích bao quanh chiếm là 19081 m^2 và chính thức mang tên Trường THPT Phan Đình Phùng.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập, trường chỉ có 4 lớp cấp 3 với 158 học sinh. Nhưng tiếp đó hằng năm, số học sinh đã không ngừng tăng nhanh và đạt cao nhất vào năm học 2007-2008 là 2530 em với 52 lớp. Tuy nhiên, trong những năm trở lại đây, tình hình học sinh đã ổn định ở mức hơn 1200 em với 32 lớp.

Hơn 28 năm xây dựng và phát triển, nhiều năm liền nhà trường đạt được danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và Tập thể Lao động tiên tiến, được UBND tỉnh và Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Lắk tặng nhiều Bằng khen và giấy khen; nhiều giáo viên được công nhận là chiến sỹ thi đua cơ sở, cấp tỉnh, được Chủ tịch UBND Tỉnh, Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Họ tên: Nguyễn Đình Dũng – Chức vụ: Hiệu trưởng.

SĐT: 0905318124

Mail: dinhdung.pdp@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập

Quyết định số 1042/QĐ-UB ngày 15/4/2003 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tách bộ phận cấp II và đổi tên trường Phổ thông cấp 2-3 Phan Đình Phùng thành trường THPT Phan Đình Phùng.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định về việc thành lập và công nhận các thành viên Hội đồng trường Trường THPT Phan Đình Phùng số 979/QĐ-SGDĐT ngày 21/10/2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng

Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng số 33/QĐ-SGDĐT ngày 29/03/2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đối với Ông Nguyễn Đình Dũng.

Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng số 65/QĐ-SGDĐT ngày 12/10/2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý đối với Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số 45/QĐ-SGDĐT ngày 05/10/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý đối với Ông Nguyễn Thế Lộc.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

Quyết định số 47/QĐ-PĐP ngày 16/10/2023 về việc ban hành Quy chế làm việc trong hoạt động nhà trường;

Nhiệm vụ, quyền hạn của trường được quy định tai Điều 3, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường:

- Hội đồng trường: Bao gồm 15 thành viên.
- 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng.
- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- 01 Hội đồng kỷ luật.
- 01 Chi bộ gồm 44 đảng viên.
- 01 tổ chức Công đoàn.
- 01 tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- 01 tổ chức Hội LHTNVN.
- 01 tổ chức Hội CTĐ.
- 01 tổ chức Hội khuyến học.

- 09 tổ chuyên môn; 01 tổ Văn phòng; 01 tổ Tư vấn – Giám thị; 01 tổ QLCL-CNTT.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SĐT	THƯ ĐIỆN TỬ
1	Nguyễn Đình Dũng	Hiệu trưởng	0905318124	dinhdung.pdp@gmail.com
2	Nguyễn Thị Hạnh	Phó hiệu trưởng	0982002838	nguyenhanheakar@gmail.com
3	Nguyễn Thế Lộc	Phó hiệu trưởng	0986676644	nthloc146@gmail.com

Địa chỉ làm việc: Trường THPT Phan Đình Phùng, thôn 6A, Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030 số 25/KHCL ngày 30/12/2019 của Trường THPT Phan Đình Phùng; Quyết định số 26/QĐ-PĐP ngày 26/09/2022 về việc ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường kể từ năm học 2022-2023; Quyết định số 47/QĐ-PĐP ngày 16/10/2023 về việc ban hành Quy chế làm việc trong hoạt động nhà trường; Quyết định số 47a/QĐ-PĐP ngày 18/10/2023 về việc ban hành Quy tắc ứng xử của viên chức, người lao động và học sinh Trường THPT Phan Đình Phùng;...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Về đội ngũ: Tổng số: 80 CBGV, NV biên chế, trong đó: BGH: 3, GV: 69; NV: 8; Nữ: 39, DT: 5 (nữ DT: 4).

Tổng số		Nữ	Dân tộc	Trình độ		Đảng viên	
				Thạc sĩ	Đại học	Tổng số	Nữ
CBQL	03	01	0	02	01	03	01
Giáo viên	69	32	05	03	66	36	17
Nhân viên	8	06	0	0	02	05	04
Tổng số	**80**	**39**	**5**	**5**	**69**	**44**	**22**

Giáo viên, nhân viên:

TT	Môn	Tổng số	Đảng viên	Nữ	Trình độ chuyên môn			
					Thạc sỹ	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	9	4	1	1	8		
2	Ngữ văn	8	6	6	1	7		
3	Tiếng Anh	9	5	6	0	9		08 C1
4	Vật lý	9	4	2	1	8		
5	Hóa học	5	1	2	0	5		
6	Sinh học	6	4	4	0	6		
7	Lịch Sử	4	2	2	0	4		

8	Địa lý	5	2	2	0	5		
9	GDKT&PL	2	2	2	0	2		
10	GDTC	6	3	3	0	6		
11	GDQP-AN	3	3	0	0	3		
12	Tin học	3	0	2	0	3		
13	Công nghệ	0						
14	Âm nhạc	0						
15	Mỹ Thuật	0						
16	Văn thư	1	1	1		1		
17	Kế toán	1		1		1		
18	Y tế HĐ	1	1	1				1
19	Thiết bị	1	1	1			1	
20	Thư viện	1	1	1			1	
21	Thủ quỹ	1		1				1
22	Bảo vệ	2	1					2
	Cộng	**77**	**41**	**38**	**3**	**68**	**2**	4

Tất cả đều đạt chuẩn theo quy định trở lên.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 19.081 m^2
- Điểm trường: 01
- Điện tích bình quân tối thiểu cho một trẻ em: 15,4 m^2
- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định**: Đạt**

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phụ sinh haot5; hạ tầng kỹ thuật

a. Khối phòng hành chính quản trị:

- Có một dãy phòng hiệu bộ gồm 10 phòng làm việc riêng biệt, có đầy đủ máy móc thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành (gồm phòng hiệu trưởng, kế toán, thủ quỹ, thư viện, ĐTN, văn thư, PHT, CĐCS, QLCL – CNTT).
- Có phòng bảo vệ đặt đặt ở gần lối ra vào cổng trường, có vi trí quan sát thuận lợi;
- Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.
- Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: được bố trí liền kề dãy hiệu bộ, có phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng và không làm ảnh hưởng tới môi trường.
- Có 1 phòng hội đồng sư phạm đảm bảo đủ máy móc, thiết bị theo quy định hiện hành.

b. Khối phòng học tập

- Phòng học: đảm bảo 01 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ bàn, ghế học sinh và đủ chỗ ngồi cho học sinh; trang bị đầy đủ bàn, ghế giáo viên, bảng lớp, hệ thống đèn, quạt.

- Có 02 phòng học bộ môn Tin học và 01 phòng học cho bộ môn ngoại ngữ với thiết bị bên trong tương đối đầy đủ.

- Có phòng bộ môn Vật lý, môn Hóa học và Sinh học riêng biệt với diện tích hơn $50m^2$/1 phòng.

- Chưa có phòng đa chức năng, phòng bộ môn âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ.

c. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Thư viện: 01 phòng diện tích khoảng $63m^2$, diện tích này nhỏ so với quy định nên các khu chức năng như kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách cho giáo viên và học sinh được bố trí hài hòa, xen kẽ chứ không tách biệt.

- Phòng thiết bị giáo dục: 01 phòng, có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.

- Có phòng truyền thống nhưng với diện tích khá nhỏ; có phòng Đoàn thanh niên riêng;

- Phòng tư vấn – học đường: Chưa có phòng riêng biệt, chủ yếu làm việc ở các phòng chức năng khác.

d. Khối phụ trợ:

- Có 02 phòng họp, sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

- Có 04 phòng tổ chuyên môn: được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ hồ sơ, sử dụng chung cho từ 2-3 tổ chuyên môn.

- Có 01 phòng y tế: có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.

- Khu để xe học sinh: có mái che đầy đủ và đảm bảo số lượng học sinh gửi xe trong nhà trường.

- Khu vệ sinh học sinh: có 02 khu nhà vệ sinh học sinh được xây khang trang, được bố trí phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; có tường, vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đảm bảo sạch sẽ, thuận tiện cho việc sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường.

- Cổng, hàng rào: Khuôn viên trường được ngăn cách với bên ngoài bằng tường rào petông kiên cố, vững chắc; Cổng trường kiên cố, vững chắc, đẹp.

- Chưa có nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường.

đ. Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Có một sân chung để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát.

- Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị học tập đầy đủ cho học sinh. Nhà trường có sân bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá khang trang, sạch, đẹp.

e. Khối phục vụ sinh hoạt: Không có.

f. Hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống cấp nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiền hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường: Chưa có.

Nhà trường đang dùng hệ thống nước giếng khoan cho quá trình sinh hoạt còn nước uống thì chủ yếu dùng nước uống đóng chai, bình.

- Hệ thống cấp điện: đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành nhưng chỉ mới trang bị được cho một dãy phòng học, 03 dãy còn lại chưa trang bị được.

- Khu gom rác thải: được bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom rác, nhưng ảnh hưởng tới môi trường (vì địa phương chưa có xe thu gom rác chuyên dụng nên trường xử lý rác bằng cách đốt tại chỗ).

Các hạng mục, công trình kiên cố đạt trên 60%.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: **Đạt**

3. Thiết bị dạy học hiện có

- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bi65 hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: **Đạt**

4. Danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đầy đủ.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục, kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn năm 2019 và được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và công nhận đạt kiểm định mức độ 2. Năm 2024 trường đăng ký đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng giáo dục để nâng đạt chuẩn Quốc gia lên mức độ 2 và đạt kiểm định mức độ 3.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh năm học 2023-2024: 440 học sinh.

2. Thống kê học sinh

Tổng số học sinh năm học 2023-2024: 1224 học sinh, cụ thể:

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ DT	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Khối 10	430	216	50.23	114	26.51	61	14.19
Khối 11	394	226	57.36	81	20.56	52	13.2
Khối 12	400	210	52.5	97	24.25	54	13.5
Tổng cộng	1224	652	53.27	292	23.86	167	13.64

3. Kết quả năm học 2023-2024

- Kết quả học tập/rèn luyện khối 10,11:

Khối	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng	**824**	114	14	323	39	365	44	22	2.7	613	74	166	20	39	4.7	6	0.7
10	**430**	47	11	154	36	211	49	18	4.2	318	74	86	20	22	5.1	4	0.9
11	**394**	67	17	169	43	154	39	4	1	295	75	80	20	17	4.3	2	0.5

- Kết quả học tập/rèn luyện DTTS khối 10,11:

Khối	Tổng số HS (*)	Học tập								Rèn luyện							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng	**195**	3	1.5	56	29	125	64	11	5.6	137	70	45	23	12	6.2	1	0.5
10	**114**	2	1.8	33	29	69	61	10	8.8	80	70	26	23	7	6.1	1	0.9
11	**81**	1	1.2	23	28	56	69	1	1.2	57	70	19	23	5	6.2	0	0

- Kết quả học lực/hạnh kiểm khối 12:

Khối 12	Tổng số HS (*)	Học Lực										Hạnh Kiểm							
		Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		Tốt		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
12	**400**	82	21	264	66	54	14	0	0	0	0	349	87	48	12	3	0.8	0	0
DTTS	**97**	7	7.2	71	73	19	20	0	0	0	0	86	89	11	11	0	0	0	0

- Kết quả học lực/Học tập từ TB/Đạt trở lên: 1202/1224 – 98,2%
- Kết quả hạnh kiểm/rèn luyện từ TB/Đạt trở lên: 1218/1224 – 99,5%
- Kết quả lên lớp sau kiểm tra, đánh giá lại, rèn luyện trong hè: 99,67%.
- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 400 học sinh.
- Số lượng học sinh được công nhận tốt nghiệp THPT: 397 học sinh.
- Số lượng học sinh trúng tuyển các trường ĐH: 147 học sinh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Stt	Nội dung	Kinh phí năm trước chuyển qua	Kinhphí nhận năm 2023	Kinh phí sử dụng trong năm	Kinh Phí đã sử dụng	Tồn KP năm 2023	Dự kiến sử dụng năm 2024
1	Kinh phí không thường xuyên (KTC 12)		3.908.080.791	3.710.000.000	3.565.408.200	144.591.800	9.000.375.000
2	Kinh phí tự chủ 13 Trong đó: -Chi lương -Chi thường xuyên	1.087.298.089	11.661.919.209 10.254.919.209 1.407.000.000	12.744.117.298 10.254.919.209 1.407.000.000	12.624.117.298 10.254.919.209 1.407.000.000	150.000.000	14.901.000.000 13.095.000.000 1.656.000.000
3	Kinh phí bổ sung dự toán sau 30/9			2.364.675000	48.300.000	2.316.375.000	
4	Phí lệ phí (học phí)	744.120.117	477.000.000	1.221.120.117	586.970.760	634.149.357	1.067.149.357
5	Dạy thêm học thêm	4.495.576	1.358.514.000	1.363.009.576	1.317.618.867	45.390.709	1.245.000.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Các danh hiệu và hình thức được khen thưởng

- Nhà trường: Được công nhận Tập thể lao động xuất sắc và được Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tặng giấy khen.

- CĐCS: Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- ĐTNCSHCM trường: xếp loại xuất sắc.
- Hội CTĐ, Hội khuyến học: Xếp loại xuất sắc.
- 02 giáo viên được đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.
- 18 CB, GV được công nhận danh hiệu CSTĐCS.
- 08 CB, GV được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen.
- 02 CB, GV được Công đoàn Ngành Giáo dục tặng giấy khen.
- Có 14 đoàn viên được Huyện đoàn Krông Pắc tặng giấy khen.

2. Tham gia các cuộc thi của giáo viên

- Tham gia dự thi SKKN cấp tỉnh, đạt 14 giải (01 A, 02 B, 11 C).
- Tham gia Hội ti GVCN lớp giỏi cấp tỉnh đạt 03 GVCN lớp giỏi (01 đoạt giải nhì).
- Tham gia Hội thao truyền thống ngành giáo dục đạt 02 huy chương(1 vàng, 1 bạc).

3. Tham gia các cuộc thi của học sinh

- Thi cấp quốc gia:

+ Thi VIO Toán đạt 01 giải Vàng.

+ Cuộc thi "ATGT cho nụ cười ngày mai" đạt 01 giải khuyến khích.

- Thi cấp tỉnh:

+ Tham gia thi HSG văn hóa cấp tỉnh đạt 10 giải (1 nhì, 6 ba, 3 KK – Văn: 2 ba; Địa: 1 nhì, 2 ba; Toán: 1 ba, Tin: 1 ba, 1KK; Av: 1 KK, GDCD 1KK). 10/14 – 71,4% HS đạt giải. Đứng thứ 3/11 trường trong khối thi đua.

+ Tham gia HKPĐ cấp tỉnh đoạt 07 bộ huy chương (1 HCV, 2 HCB, 4 HCĐ).

+ Tham gia thi KHKT, khởi nghiệp cấp tỉnh đoạt 1 giải ba, 1 giải tư.

+ Tham gia thi Olympic 10/3 đạt 21 huy chương (08 HCV, 5 HCB, 8 HCĐ). 21/40- 52,5% HS có huy chương. Đứng thứ 11/59 trường, đứng thứ 2/11 trường trong khối thi đua.

+ Tham gia thi IOE cấp tỉnh đạt 09 giải (Khối 10: 01 nhì, 01 KK; khối 11: 01 ba, 04 KK; khối 12: 01 nhất – vinh danh giải ba cấp QG, 01 KK).

+ Tham gia ngày Hội STEM cấp tỉnh, đoạt 01 giải ba.

+ Tham gia thi giai điệu tuổi hồng có 01 giait khuyến khích.

- Thi cấp trường:

+ Tham gia thi HSG cấp trường đạt 79 giải(K10:32, K11: 28, K12: 19), có 2 giải nhất, 12 nhì, 18 ba, 47 KK).

+ Tham gia thi KHKT cấp trường doạt 05 giải (02 nhì, 02 ba, 02 KK).

+ Tham gia ngày Hội STEM cấp trường đoạt 06 giải (01 nhì, 01 ba, 04 KK).

+ Tham gia HKPĐ cấp trường đoạt 112 giải (31 nhất, 29 nhì, 52 ba).

+ Tham gia thi IOE cấp trường đạt 17 giải (01 nhất, 02 nhì, 02 ba, 12 KK).

+ Tham gia thi VIO cấp trường đạt 03 giải vàng

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT (để BC);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHAN ĐÌNH PHÙNG

Nguyễn Đình Dũng